TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 163/2024/HS-ST
Ngày 06 - 09- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hà Thu
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà: Nguyễn Thị Chấn – Giáo viên nghỉ hưu
Bà: Nguyễn Thị Nga – Cán bộ Hội phụ nữ

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Tiến Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 158/TLST-HS, ngày 22 tháng 08 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 08 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **N Đ T A,** sinh ngày 13/4/2008, tại Hà Nội; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn L, xã M, huyện K, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ văn hoá (học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông N Đ H, sinh năm 1987 và bà N T H, sinh năm 1988; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo khởi tố tại ngoại, có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông N Đ H, sinh năm 1987 và bà N T H, sinh năm 1988 (là bố mẹ đẻ của bị cáo)

Cùng có địa chỉ tại: Thôn L, xã M, huyện K, thành phố Hà Nội.

(ông N Đ H vắng mặt, bà N T H có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Hồ Thúy Sen – trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

*Bị hại: Ông N Đ G (đã chết), sinh năm 1947

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã M, huyện K, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện hợp pháp của ông N Đ G:

1. Bà N T D, sinh năm 1947 (vợ ông N Đ G);

2. Chị N T T H, sinh năm 1970 (con ông N Đ G);

3. Anh N Đ T, sinh năm 1972 (con ông N Đ G);

4. Anh N Đ T1, sinh năm 1975 (con ông N Đ G);

5. Chị N T M T, sinh năm 1977 (con ông N Đ G);

Nơi cư trú: Thôn N, xã M, huyện K, thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo ủy quyền của bà N T D, chị N T T H, anh N Đ T1 và chị N T M T: Anh N Đ T, sinh năm 1972. (Giấy ủy quyền ngày 10/5/2024)

(Đều vắng mặt, anh N Đ T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo N Đ T A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng hơn 13 giờ ngày 01/5/2024, N Đ T A điều khiển xe mô tô Honda Vision BKS: 29N2-001.16 đi từ nhà tại thôn L, M, K, Hà Nội ra đường O, M. Khoảng 10 phút sau thì đi đến đoạn ngang số nhà 314 đường O, thuộc địa phận xã M. Tại thời điểm này, trời sáng, mặt đường khô ráo, mật độ phương tiện giao thông vắng, tầm quan sát tốt, N Đ T A điều khiển xe mô tô đi ở giữa đường theo chiều Dốc Q - ngã tư P, R, K với vận tốc khoảng 60-70km/h. Do không chú ý quan sát nên khi phát hiện ở phía trước đầu xe của N Đ T A cách khoảng 10 mét có ông N Đ G điều khiển xe máy 29-378-H4 đang chuyển hướng rẽ trái sang đường, N Đ T A không kịp xử lý phanh, đã để xe mô tô do N Đ T A điều khiển đâm vào xe của ông N Đ G khiến ông N Đ G và N Đ T A ngã ra đường. Sau va chạm, ông N Đ G và N Đ T A cùng được đưa đi cấp cứu, ông N Đ G tử vong sau tai nạn.

Sau khi nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về vụ tai nạn giao thông đường bộ trên, Cơ quan điều tra – Công an huyện K đã phối hợp với Viện kiểm sát và cảnh sát giao thông huyện tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi và thu giữ các phương tiện liên quan là xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision BKS 29N2-001.16 và xe mô tô BKS: 29-378-H4 cùng giấy tờ xe.

**Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông:* Hiện trường không còn nguyên vẹn, người bị thương tích đã được đưa đi cấp cứu, hiện trường được Công an xã M bảo vệ.

Hiện trường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường thẳng. Đoạn đường này được tổ chức hai chiều phương tiện lưu thông được chia làm 2 phần đường bằng nhau 7,0m và 7,0m được ngăn cách bởi vạch sơn ngắt quãng màu

vàng. Mỗi phần đường được chia làm 2 làn đường có chiều rộng lần lượt là 3,5m và 3,5m được ngăn cách bởi vạch sơn ngắt quãng màu trắng, đoạn đường này được trải nhựa phẳng.

Lấy mép đường bên phải theo chiều từ dốc Q đi ngã tư P làm mép đường chuẩn. Lấy tâm cột đèn ký hiệu ĐX8/L2-19 nằm bên phải mép đường chuẩn làm mốc hiện trường.

Vị trí phương tiện, dấu vết đo bằng một đường thẳng vuông góc trên mép đường chuẩn được lần lượt là: Vị trí vết cày xước mặt đường dài 16,1m sau tai nạn để lại trên mặt đường, đầu vết cày quay hướng dốc Q, cuối vết cày quay hướng ngã tư P trùng với đầu bàn để chân trước bên phải xe mô tô biển số 29-378-H4. Đo từ đầu vết cày xước, cuối vết cày xước này đến mép đường chuẩn được lần lượt là 4,65m và 3,20m.

Vị trí xe mô tô biển số 29-378-H4 sau tai nạn bị đổ nghiêng bên phải, đầu xe quay hướng ngã tư P, đuôi xe quay hướng dốc Q. Đo từ tâm đầu trục bánh lốp trước, tâm đầu trục bánh lốp sau xe mô tô này đến mép đường chuẩn được lần lượt là 3,0m và 3,3m.

Đo từ đầu vết cày xước dài 16,1m bằng một đường thẳng song song với mép đường chuẩn về hướng ngã tư P được 2,9m là vị trí đầu vết cày xước mặt đường dài 16,3m sau tai nạn để lại trên mặt đường, đầu vết cày quay hướng dốc Q, cuối vết cày quay hướng ngã tư P trùng với đầu tay nắm bên trái xe mô tô biển số 29N2-001.16. Đo từ đầu, cuối vết cày xước này đến mép đường chuẩn được lần lượt là 5,9m và 6,1m.

Vị trí xe mô tô biển số 29N2-001.16 sau tai nạn bị đổi nghiêng bên trái trên đường, đầu xe quay chếch ra lòng đường về hướng dốc Q, đuôi xe hơi chếch vào mép đường chuẩn về hướng ngã tư P. Đo từ tâm đầu trục bánh lốp trước, tâm đầu trục bánh lốp sau xe mô tô này đến mép đường chuẩn được lần lượt là 5,75 và 5,6m.

Đo từ tâm trục bánh lốp sau xe mô tô biển số 29-378-H4 bằng một đường thẳng song song với mép đường chuẩn về hướng dốc Q được 8,4m là vị trí tâm vùng máu được 8,4mx1,4m sau tai nạn để lại trên đường. Đo từ tâm vùng máu này đến mép đường chuẩn được 3,9m.

Đo từ tâm trục bánh lốp sau xe mô tô biển số 29-378-H4 bằng một đường thẳng song song với mép đường chuẩn về hướng dốc Q được 1,3m là vị trí tâm vùng máu diện 1,5mx1,0m sau tai nạn để lại trên mặt đường. Đo từ tâm vùng máu này đến mép đường chuẩn được là 7,8m.

Đo từ tâm trục bánh sau xe mô tô biển số 29-378-H4 bằng một đường thẳng song song với mép đường chuẩn về hướng dốc Q được 3,8m là vị trí tâm vùng đất, nhựa, mảnh kim loại diện 17,8m x 4,8m sau tai nạn để lại trên đường. Đo từ tâm vùng đất, nhựa, mảnh kim loại này đến mép đường chuẩn được là 4,4m.

Đo từ tâm trục bánh lốp sau xe mô tô biển số 29N2-001.16 bằng một đường thẳng song song với mép đường chuẩn về hướng ngã tư P được 26,2m là vị trí tâm cột đèn ký hiệu 0x8/L2-19 nằm bên phải mép đường chuẩn (mốc hiện trường).

* Tại Kết luận giám định số 4080/KL-KTHS ngày 28/6/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận dấu vết va chạm trên 02 phương tiện liên quan:

1. Dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 29N2-001.16 với xe mô tô biển số 29-378-H4, vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện: Dấu vết trượt mất cao su màu đen ở má bên phải lốp bánh trước và biến dạng, trượt xước vành bánh này của xe mô tô biển số 29N2-001.16 có chiều từ mặt lăn vào vành, từ vành vào tâm trục bánh xe (ảnh 5, 7 trong bản ảnh giám định), phù hợp với dấu vết vỡ mất kim loại, trượt xước, dính chất màu đen (dạng cao su) ở mặt ngoài bên trái lốc máy và cụm chi tiết máy xe mô tô biển số 29- 378-H4. Dấu vết va chạm tại vị trí này ở xe mô tô biển số 29-378-H4 có chiều từ sau về trước (ảnh 6, 8 trong bản ảnh giám định). Đây là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện.

2. Cơ chế hình thành dấu vết va chạm còn lại ở hai phương tiện:

- Dấu vết trượt xước ở mặt ngoài đầu tay lái và tay phanh bên trái, ở mặt ngoài ốp nhựa sườn bên trái xe mô tô biển số 29N2-001.16 có chiều từ bên trái sang bên phải xe. Các dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường khi xe mô tô này đổ nằm nghiêng bên trái và trượt trên mặt đường (ảnh 9, 11, 13 trong bản ảnh giám định).

- Dấu vết trượt xước ở mặt ngoài đầu tay lái và tay phanh bên phải, ở mặt ngoài bàn phanh chân bên phải xe mô tô biển số 29-378-H4 có chiều từ bên phải sang bên trái xe. Các dấu vết này có đặc điểm giống đặc điểm của dấu vết hình thành do va chạm với mặt đường khi xe mô tô này đổ nằm nghiêng bên phải và trượt trên mặt đường (ảnh 10, 12, 14 trong bản ảnh giám định). Các dấu vết còn lại ở xe mô tô biển số 29N2-001.16 và ở xe mô tô biển số 29-378-H4 được ghi nhận trong "Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn giao thông" của Công an huyện K hiện tại không thể hiện rõ đặc điểm nên không đủ yếu tố giám định. Kèm theo kết luận giám định có: 01 bản ảnh giám định (gồm 14 ảnh).

* Tại Kết luận pháp y tử thi số 681/583/KLGĐTT-TTPY ngày 31/5/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế Hà Nội đối với N Đ G, kết luận:

Kết quả khám nghiệm: Các vết: Sây sát má trái; Sây sát da vùng trán trái; Sây sát da vùng trán phải; Sây sát da vùng sống mũi; Sây sát da vùng cằm; Sây sát da mặt ngoài miệng bên trái; Sây sát da đốt bàn ngón III tay phải; Sây sát da mặt ngoài khuỷu tay phải; Sây sát da mặt sau cẳng tay phải; Bầm tím da mu bàn tay trái; Rách da vùng trán thái dương trái ngang với trục cơ thể; Rách da mặt

sau đốt 1 ngón II tay phải; Rách da mặt sau ngón I tay trái; Rách da đốt bàn ngón II tay trái: Nhiều khả năng do va đập, lê quệt với vật tày gây nên.

Công an huyện K đã tiến hành kiểm tra nồng độ cồn của N Đ T A hồi 10 giờ 30 phút ngày 24/5/2024, kết quả: tại thời điểm xét nghiệm, không có Ethanol (cồn) trong mẫu máu xét nghiệm của N Đ T A.

Tại cơ quan điều tra, N Đ T A đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 11/5/2024, bị cáo và mẹ bị cáo là bà N T H đã bồi thường toàn bộ cho gia đình nạn nhân số tiền 100.000.000 đồng. Gia đình nạn nhân không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 158/CT-VKSGL, ngày 19/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo N Đ T A về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà:

Bị cáo N Đ T A đã khai nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bà N T H trình bày: bà là mẹ đẻ của bị cáo, sau khi tai nạn xẩy ra, con bà và gia đình bà đã đến thăm hỏi gia đình nạn nhân. Do con bà đang là học sinh, không có tài sản gì nên đã nhờ bà đứng ra bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 100.000.000 đồng, bà không yêu cầu bị cáo phải thanh toán trả lại cho bà số tiền này. Bà đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để bị cáo được tiếp tục học tập tại trường Cao đẳng S.

Đại diện gia đình nạn nhân là bà N T D, chị N T T H, anh N Đ T1, chị N T M T và anh N Đ T (đều uỷ quyền cho anh N Đ T) đều vắng mặt. Anh N Đ T có đơn xin xét xử vắng mặt và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N Đ T A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K trình bày luận tội, giữ nguyên nội dung Bản cáo trạng đã truy tố bị cáo, trên cơ sở xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 4 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo N Đ T A phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Đề nghị xử phạt bị cáo N Đ T A từ 27 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 54 tháng đến 60 tháng.

Giao bị cáo N Đ T A cho UBND xã M, huyện K, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo N Đ T A có trách nhiệm

phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: bị cáo và gia đình đã bồi thường cho gia đình bị hại đầy đủ nên không đặt ra vấn đề xem xét xử lý.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: nhất trí về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của đại diện Viện kiểm sát đưa ra. Về hình phạt: đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức hình phạt thấp nhất và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để tạo điều kiện cho bị cáo được tiếp tục học tập tại trường Cao đẳng S.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đến mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng* của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2]. *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt*: Q khai nhận tội của bị cáo N Đ T A tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với Q khai trong biên bản hỏi cung của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường, bản ảnh, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, các bản kết luận giám định, phù hợp với Q khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các biên bản, tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 13 giờ 25 phút ngày 01/5/2024, trên đường O, chiều Dốc Q, M đi ngã tư P, R, K, Hà Nội; N Đ T A (chưa có giấy phép lái xe mô tô theo quy định), điều khiển xe mô tô BKS: 29N2-001.16 tham gia giao thông, không chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ đã đâm vào xe mô tô BKS 29-378-H4 do ông N Đ G đang điều khiển đi cùng chiều, đang sang đường, làm ông N Đ G tử vong sau tai nạn.

Bị cáo dưới 18 tuổi, điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh trên 50cm^3 khi chưa có giấy phép lái xe theo quy định, không tuân thủ các quy tắc an toàn,

không làm chủ tốc độ. không chú ý quan sát đã vi phạm khoản 9, khoản 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ năm 2019; khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải dẫn đến hậu quả làm cho ông N Đ G tử vong. Đây là hậu quả rất nghiêm trọng gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân mà không có gì bù đắp được.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo N Đ T A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo N Đ T A là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. *Về hình phạt và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự giao thông đường bộ, đồng thời xâm phạm đến tính mạng của người khác là khách thể được Bộ luật hình sự quy định và bảo vệ.

Trong vụ án này, lỗi và nguyên nhân gây ra tai nạn giao thông dẫn đến hậu quả làm ông N Đ G từ vong thuộc về bị cáo N Đ T A nhưng nạn nhân N Đ G cũng có một phần lỗi là điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm, chuyển hướng rẽ trái không có tín hiệu báo hướng rẽ nên đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật giao thông đường bộ. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 – BLHS là tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nhân thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo là chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, lấy đó làm căn cứ để cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Tính đến ngày phạm tội, bị cáo 16 tuổi 18 ngày, căn cứ khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự áp dụng mức phạt tù có thời hạn đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi không quá ¾ mức hình phạt tù mà điều luật quy định.

Bị cáo có nhà ở, nơi cư trú rõ ràng, bản thân luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú và đang là học sinh lớp 10 trường Cao đẳng S. Từ những phân tích trên, HĐXX thấy cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát và giáo dục của Chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước và Pháp luật cũng như tạo điều kiện cho bị cáo tiếp tục được học tập tại trường.

[4]. *Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện K đề nghị* áp dụng đối với bị cáo có phần phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6].*Về hình phạt bổ sung*: không áp dụng.

[7]. Về phần trách nhiệm dân sự: Sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo và mẹ bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại với gia đình ông N Đ G. Gia đình ông N Đ G đã xác nhận phần bồi thường dân sự 100.000.000 đồng, không có yêu cầu nào khác. Mẹ bị cáo là bà N T H không yêu cầu bị cáo phải thanh toán trả số tiền thay bị cáo bồi thường. Vì vậy, HĐXX xác nhận đã bồi thường dân sự xong và không xem xét, giải quyết.

[8]. *Về xử lý vật chứng*:

- Đối với chiếc xe mô tô Honda Vision BKS: 29N2-001.16: qua xác minh thuộc sở hữu của bà N T H (mẹ của bị cáo). Ngày 01/5/2024, bị cáo tự ý lấy chiếc xe mô tô trên để đi chơi, bà N T H không có nhà và không biết việc N Đ T A điều khiển xe mô tô tham gia lưu thông trên đường gây tai nạn. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã ra Quyết định trả chiếc xe cùng với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho bà N T H và không xử lý bà N T H về hành vi Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ là đúng quy định pháp luật.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 29-378-H4 cùng với 01 Giấy phép lái xe số A005027 mang tên N Đ G: Ngày 29/7/2024, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K đã trả lại cho anh N Đ T là người đại diện theo ủy quyền của gia đình nạn nhân chiếc xe mô tô cùng giấy phép lái xe mang tên N Đ G là đúng quy định pháp luật. Anh N Đ T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, khoản 4 Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; Điều 65 - Bộ luật hình sự;

Căn cứ: Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố: bị cáo N Đ T A phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao

thông đường bộ".

Xử phạt: Bị cáo **N Đ T A 22 (hai mươi hai) tháng 15 (mười lăm) ngày tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 45 (bốn mươi lăm) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 06.9.2024.

Giao bị cáo N Đ T A cho UBND xã M, huyện K, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo N Đ T A có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự;

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo đã bồi thường xong cho gia đình bị hại.

Về xử lý vật chứng: không.

Về án phí: Bị cáo N Đ T A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người chữa cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- VKSND huyện K
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- Công an huyện K
- Chi cục THADS huyện K
- Sở tư pháp TP. Hà Nội
- UBND xã M, K, TP. Hà Nội (thay cho

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

thông báo kết quả xét xử)
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Thái Thị Hà Thu